

NGHIÊN CỨU THỰC TRẠNG VIỆC ÁP DỤNG CHỨNG CHỈ RỪNG FSC VÀ QUẢN LÝ RỪNG BỀN VỮNG TẠI HUYỆN A LƯỚI, TỈNH THỪA THIÊN HUẾ

Nguyễn Đình Tiên*, Lê Thị Liên, Hồ Nhật Linh, Trần Thị Ánh Tuyết

Trường Đại học Nông Lâm, Đại học Huế

*Tác giả liên hệ: nguyendinhvien@huaf.edu.vn

Nhận bài: 08/12/2022 Hoàn thành phản biện: 13/02/2023 Chấp nhận bài: 28/02/2023

TÓM TẮT

Với mục tiêu đánh giá được thực trạng việc áp dụng chứng chỉ rừng FSC (Hội đồng Quản lý rừng quốc tế) và quản lý rừng bền vững tại huyện A Lưới, tỉnh Thừa Thiên Huế, nghiên cứu đã thực hiện các phương pháp thu thập số liệu, tài liệu, phỏng vấn các bên liên quan đến việc tham gia áp dụng chứng chỉ rừng của các chi hội trên địa bàn huyện. Kết quả nghiên cứu cho thấy: Huyện A Lưới có diện tích rừng sản xuất lớn (42.768,87 ha) tuy nhiên diện tích rừng trồng tham gia chứng chỉ rừng có tỷ lệ chưa cao với 0,01%. Trong giai đoạn 2014 - 2022 có tổng diện tích tham gia áp dụng chứng chỉ rừng tại huyện A Lưới là 464,6 ha với quy mô 179 lô rừng của 124 hội viên tham gia. Giá trị kinh tế từ trồng rừng có chứng chỉ sẽ cao hơn khi kéo dài thời gian khai thác tới 7 - trên 10 năm. Có hơn 97% hộ gia đình sẽ tiếp tục tham gia liên kết nhóm hộ để trồng rừng có chứng chỉ rừng FSC và sẵn sàng góp thêm đất và đầu tư. Ngoài ra, nghiên cứu còn đề xuất 6 giải pháp để thúc đẩy hơn việc tham gia áp dụng chứng chỉ rừng và quản lý rừng bền vững của hộ gia đình tại huyện A Lưới.

Từ khóa: A Lưới, Chứng chỉ rừng, Hội chủ rừng, Quản lý rừng bền vững

STUDY ON THE SITUATION OF THE APPLICATION OF FOREST CERTIFICATION FSC AND SUSTAINABLE FOREST MANAGEMENT IN A LUOI DISTRICT, THUA THIEN HUE PROVINCE

Nguyen Dinh Tien*, Le Thi Lien, Ho Nhat Linh, Tran Thi Anh Tuyet

University of Agriculture and Forestry, Hue University

ABSTRACT

With the aim of assessing the current situation of applying FSC (Forest Stewardship Council) certification and sustainable forest management in A Luoi district, Thua Thien Hue province, the study has conducted methods of collecting data, documents, and interviewing relevant parties about the participation in forest certification of associations in the district. The research results show that although A Luoi has a large area of productive forests (42,768.87 ha), the area of certified planted forests is still relatively low, at 0.01%. During the period from 2014 to 2022, the total area participating in forest certification in A Luoi was 464.6 ha, with a scale of 179 forest lots of 124 member households participating. The economic value of certified forest planting will be higher when the exploitation time is extended to 7 - 10 years. Over 97% of households will continue to participate in linking groups to plant FSC certified forests and are willing to contribute more land and investment. In addition, the study also proposes 6 solutions to promote the participation in forest certification and sustainable forest management of households in A Luoi district.

Keywords: A Luoi, Forest certification, Forest owner association, Sustainable forest management

1. MỞ ĐẦU

Tài nguyên rừng là một phần của tài nguyên thiên nhiên, nếu không có giải pháp sử dụng hợp lý thì nguồn tài nguyên này có thể bị suy thoái và không thể tái tạo được. Trong nhiều năm trở lại đây, diện tích rừng trên thế giới nói chung và Việt Nam nói riêng đã bị giảm sút rất nhanh bởi nhiều nguyên nhân khác nhau. Một trong số đó là do chính sách quản lý và khai thác rừng chưa thực sự tốt. Mất rừng và suy thoái tài nguyên rừng đã không chỉ gây ra những tác động xấu đến môi trường, như xói mòn đất, lũ lụt xảy ra với tần suất cao, góp phần dẫn đến biến đổi khí hậu, mà còn ảnh hưởng đến sinh kế của người dân và sự phát triển bền vững của đất nước (Hà Sỹ Đồng, 2016). Chính vì thế, cộng đồng quốc tế đã và đang thực hiện rất nhiều biện pháp khác nhau nhằm bảo vệ rừng một cách tốt nhất.

Năm 1992 lần đầu tiên Tổ chức Gõ nhiệt đới quốc tế (ITTO) đề ra những tiêu chí cho quản lý bền vững rừng nhiệt đới. Những năm sau đó vấn đề quản lý rừng bền vững được quan tâm và thảo luận ở nhiều diễn đàn trên khắp thế giới, dẫn đến việc thành lập một loạt các tổ chức quốc tế và quốc gia khuyến khích quản lý rừng bền vững và chứng chỉ rừng (Phạm Hoài Đức và cs., 2006).

Theo niên giám thống kê tỉnh Thừa Thiên Huế năm 2019, tỉnh Thừa Thiên Huế có tổng diện tích đất lâm nghiệp trên địa bàn toàn tỉnh là 334.532,43 ha, trong đó có 143.688,48 ha đất rừng sản xuất, 99.848,52 ha đất rừng phòng hộ, và 90.995,43 ha đất rừng đặc dụng. Để góp phần thực hiện Đề án tái cơ cấu ngành nông nghiệp theo hướng nâng cao giá trị gia tăng và phát triển bền vững theo Quyết định số 795/QĐ-UBND ngày 21/4/2016 của UBND tỉnh Thừa Thiên Huế, trên lĩnh vực lâm nghiệp, Sở Nông

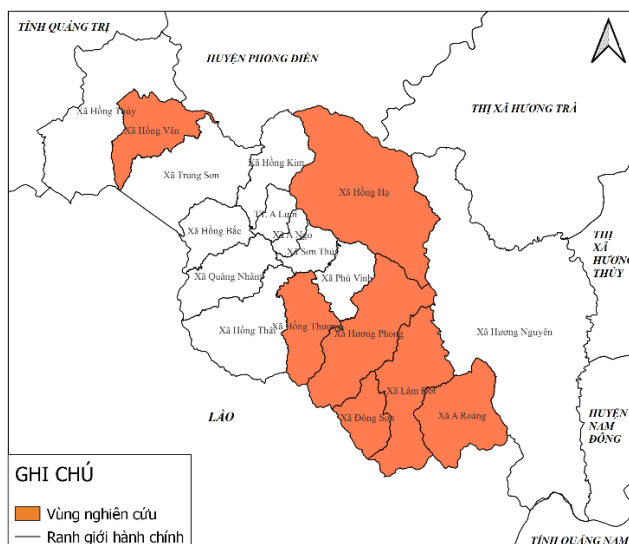
ng nghiệp và Phát triển nông thôn tập trung chiến lược xây dựng kế hoạch phát triển rừng trồng kinh doanh gỗ gắn với chứng chỉ rừng FSC cho các hội viên quy mô nhỏ trên địa bàn (Hội Chủ rừng phát triển bền vững tỉnh Thừa Thiên Huế, 2021). Năm đầu tiên (2016), với quy mô 241 hộ thành viên trên 950,96 ha được đánh giá cấp chứng chỉ rừng FSC công nhận và phát triển cho đến nay với quy mô 1.131 hội viên, và 6.042,77 ha rừng trồng keo và 2.182 lô rừng đăng ký đánh giá cấp chứng chỉ rừng FSC.

Trong các huyện, thị xã tham gia chứng chỉ rừng FSC trên địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế, huyện A Lưới có diện tích đất rừng sản xuất lớn nhất: 42.768,87 ha. Đây cũng chính là diện tích đất được sử dụng để giao cho đối tượng là hộ gia đình cá nhân phục vụ mục đích trồng rừng sản xuất nhằm nâng cao thu nhập, ổn định sinh kế cho người dân và giảm các hoạt động khai thác rừng trái phép. Tuy nhiên, huyện A Lưới đến năm 2019 mới chỉ có 90 hội viên tham gia chứng chỉ rừng FSC với tổng diện tích 372,84 ha phân bổ diện tích trên địa bàn 6 xã của huyện. Do vậy, với mục tiêu nghiên cứu, duy trì và phát triển mở rộng việc áp dụng chứng chỉ rừng thì việc đánh giá được tình hình thực hiện áp dụng chứng chỉ rừng FSC và quản lý rừng bền vững tại huyện A Lưới, từ đó đưa ra các giải pháp nhằm nâng cao hiệu quả áp dụng chứng chỉ rừng FSC và quản lý rừng bền vững trên địa bàn huyện là rất cần thiết.

2. NỘI DUNG VÀ PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

2.1. Địa điểm nghiên cứu

Nghiên cứu được thực hiện tại 7 xã (A Roàng, Đông Sơn, Hồng Hạ, Hồng Thượng, Hồng Vân, Lâm Đốt, Hương Phong) trên địa bàn huyện A Lưới, tỉnh Thừa Thiên Huế.



Hình 1. Sơ đồ vị trí khu vực nghiên cứu

Nguồn: Hạt kiểm lâm huyện A Lưới (2022)

- Phương pháp thu thập số liệu sơ

cấp:

Để tìm hiểu về quá trình thực hiện, khó khăn và thuận lợi trong quá trình tham gia chứng chỉ rừng FSC trên địa bàn huyện A Lưới, nghiên cứu đã tiến hành phỏng vấn ngẫu nhiên 10 hộ/xã với tổng số hộ là 70 hộ trên địa bàn 7 xã (A Roàng, Đông Sơn, Hồng Hạ, Hồng Thượng, Hồng Vân, Lâm Đốt, Hương Phong) có người dân có tham gia chứng chỉ FSC. Trong đó sử dụng các câu hỏi mở khi phỏng vấn với các nội dung chủ yếu sau: Các nội dung liên quan đến cấp chứng chỉ rừng. Nhu cầu tham gia chứng chỉ rừng của người dân; thông tin về diện tích trồng rừng hiện tại của hộ được phỏng vấn; sự hài lòng của người dân tham gia chứng chỉ FSC.

2.3.2. Phương pháp chuyên gia

Với mục đích thảo luận về các hạn chế và biện pháp khắc phục khi áp dụng chứng chỉ FSC và công tác quản lý rừng bền vững, nghiên cứu tiến hành phỏng vấn 10 người bao gồm các cán bộ, chuyên gia có kinh nghiệm chuyên môn cao liên quan đến chứng chỉ FSC và quản lý rừng tại huyện A Lưới, tỉnh Thừa Thiên Huế.

2.2. Nội dung nghiên cứu

1) Hiện trạng tài nguyên rừng và đất lâm nghiệp tại huyện A Lưới;

2) Thực trạng tham gia chứng chỉ FSC và quản lý rừng bền vững tại huyện A Lưới;

3) Các nhân tố ảnh hưởng đến việc áp dụng chứng chỉ FSC và quản lý rừng bền vững tại huyện A Lưới;

4) Các giải pháp nâng cao áp dụng chứng chỉ FSC và quản lý rừng bền vững tại huyện A Lưới.

2.3. Phương pháp nghiên cứu

2.3.1. Phương pháp thu thập số liệu

- Phương pháp thu thập số liệu thứ

cấp:

Nghiên cứu tiến hành thu thập các số liệu, tài liệu liên quan đến các nhóm hộ trồng rừng theo tiêu chuẩn FSC, các báo cáo, văn bản, bản đồ liên quan đến giao đất giao rừng và tình hình sử dụng đất lâm nghiệp tại huyện A Lưới, tỉnh Thừa Thiên Huế.

2.3.3 Phương pháp SWOT

Phân tích SWOT là một công cụ rất hiệu quả để xác định các ưu điểm, khuyết điểm về dân sinh kinh tế xã hội của một đơn vị hành chính cấp xã thuộc khu vực nghiên cứu, các cơ hội để phát triển và cả thách thức, nguy cơ mà khu vực nghiên cứu đó sẽ phải đương đầu.

Nghiên cứu tiến hành phân tích các Điểm mạnh (S), Điểm yếu (W), Cơ hội (O) và Thách thức (T) đối với việc áp dụng chứng chỉ FSC và quản lý rừng bền vững tại huyện A Lưới dựa trên kết quả phỏng vấn hộ gia đình và các chuyên gia. Kết quả của phân tích SWOT là cơ sở để xây dựng các giải pháp nâng cao việc thực hiện chứng chỉ FSC và quản lý bảo vệ rừng theo các yêu cầu của FSC trên địa bàn huyện.

2.3.4. Phương pháp tổng hợp, phân tích và xử lý số liệu

Các số liệu, tài liệu thu thập trên địa bàn huyện A Lưới được sắp xếp, tổng hợp

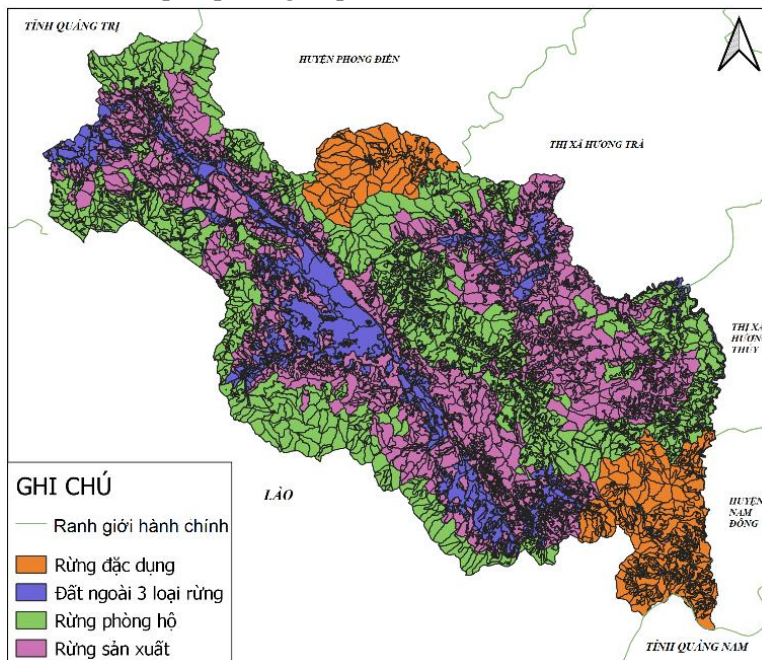
lại từ các nguồn dữ liệu khác nhau. Từ đó, tiến hành đánh giá các số liệu sau đó thống kê, xây dựng các bảng biểu, đồ thị phục vụ cho việc tổng hợp kết quả nghiên cứu.

3. KẾT QUẢ VÀ THẢO LUẬN

3.1. Hiện trạng tài nguyên rừng và đất lâm nghiệp

Huyện A Lưới có tổng diện tích tự nhiên là 122.521,20 ha, trong đó diện tích đất có rừng là 95.160,58 ha bao gồm: 80.873,96 ha rừng tự nhiên và 14.286,62 ha rừng trồng (Hạt kiểm lâm huyện A Lưới, 2021).

Theo tiêu chí chức năng rừng, huyện A Lưới có 42.768,87 ha rừng sản xuất, 39.542,04 ha rừng phòng hộ và 16.118,77 ha rừng đặc dụng. Phần diện tích nằm ngoài quy hoạch 3 loại rừng trên địa bàn huyện là 24.091,52 ha (Hạt kiểm lâm huyện A Lưới, 2021).



Hình 2. Sơ đồ thể hiện chức năng rừng huyện A Lưới

3.2. Thực trạng tham gia chứng chỉ FSC và quản lý rừng bền vững

3.2.1. Đặc điểm các hộ gia đình tham gia chứng chỉ FSC

Kết quả phỏng vấn 70 hộ gia đình tham gia chứng chỉ FSC tại huyện A Lưới

Bảng 1. Đặc điểm các hộ gia đình tham gia chứng chỉ FSC tại huyện A Lưới

Chi tiêu	Đơn vị	Hộ gia đình tham gia FSC tại A Lưới
Loài cây trồng		Thuần loài Keo lai
Thời gian khai thác	Năm	5-9
Tổng diện tích bình quân/hộ	Ha	4,51
Tổng diện tích đất lâm nghiệp bình quân/hộ	Ha	3,62
Diện tích tham gia FSC	Ha	3,50
Lao động chính bình quân/hộ	Lao động	2,2
Thu nhập bình quân từ rừng/năm	Triệu đồng	98,2
Thu nhập bình quân từ rừng trồng có chứng chỉ/năm	Triệu đồng	19,3

Bảng 1 cho thấy các hộ gia đình tại huyện A Lưới, tỉnh Thừa Thiên Huế tham gia chứng chỉ FSC chủ yếu trồng keo lai. Diện tích bình quân tham gia chứng chỉ FSC là 3,5 ha, đây là giá trị tương đối cao so với diện tích bình quân tham gia chứng chỉ FSC của các địa phương khác trong tỉnh Thừa

cho thấy các hộ gia đình tham gia vào quản lý rừng bền vững đều có kế hoạch giữ rừng từ 5 – 9 năm. Chi tiết các chỉ tiêu khác được thể hiện trong Bảng 1.

Thiên Huế như huyện Nam Đông (khoảng 1,5 ha), huyện Phú Lộc (khoảng 3,6 ha) (Hội Chủ rừng phát triển bền vững tỉnh Thừa Thiên Huế, 2021).

3.2.2. Quy mô hoạt động quản lý bảo vệ rừng có chứng chỉ

Bảng 2. Quy mô, diện tích hội viên tham gia chứng chỉ FSC huyện A Lưới đến năm 2022

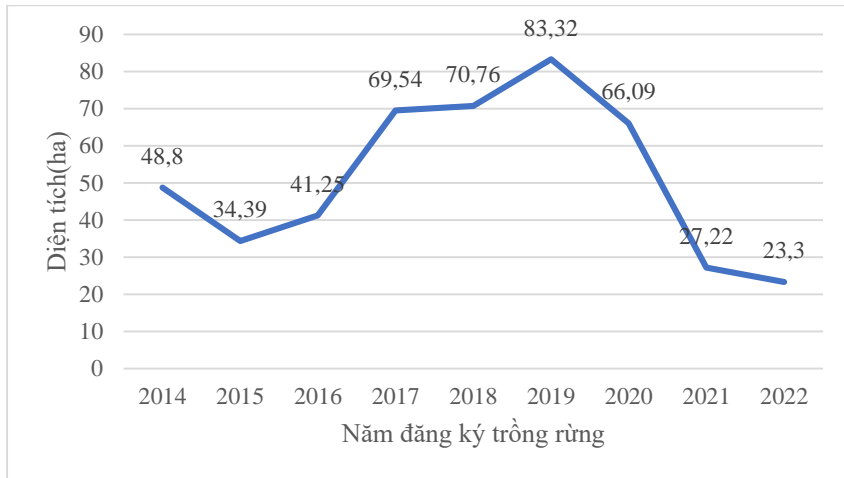
Địa điểm	Chi hội	Diện tích (ha)	Số lô	Hội viên
	Tổng cộng	464,6	179	124
Xã A Roàng	A Roàng	40,65	28	17
Xã Đông Sơn	A So Đông Sơn	120,72	48	28
Xã Hồng Hạ	Hồng Hạ	57,9	25	19
Xã Hồng Thượng	Hồng Thượng	56,42	15	12
Xã Hồng Vân	Hồng Vân	63,52	25	23
Xã Lâm Đốt	Lâm Đốt	61,19	14	10
Xã Hương Phong	Hương Phong	64,2	24	15

Bảng 2 cho thấy, tổng diện tích tham gia chứng chỉ FSC tại huyện A Lưới là 464,6 ha với quy mô 179 lô rừng của 124 hội viên tham gia. Trong đó, chi hội A So Đông Sơn, xã Đông Sơn có số lượng hội viên và diện tích tham gia nhiều nhất với 120,72 ha. Tiếp theo có diện tích ít hơn đó là các xã Hương Phong, Hồng Vân, Lâm Đốt và xã A Roàng có diện tích tham gia chứng chỉ rừng ít nhất trong các xã tham gia tại huyện A Lưới.

3.2.3. Biến động diện tích rừng trồng tham gia chứng chỉ FSC

Trong giai đoạn 2014 - 2022, diện tích đăng ký tham gia chứng chỉ rừng hàng năm có sự biến động nhất định, cụ thể xu hướng giảm diện tích đăng ký mới trong giai đoạn đầu từ 2014 - 2016. Sau đó nhờ các chính sách và các đề án phát triển rừng giai đoạn 2016 - 2020 trên địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế làm nhu cầu đăng ký tham gia chứng chỉ rừng tăng. Tuy nhiên, sau năm 2020, nhiều thiên tai, dịch bệnh diễn ra dẫn đến thị trường tiêu thụ gỗ ngày càng khó khăn khiến người dân hạn chế đăng ký hơn

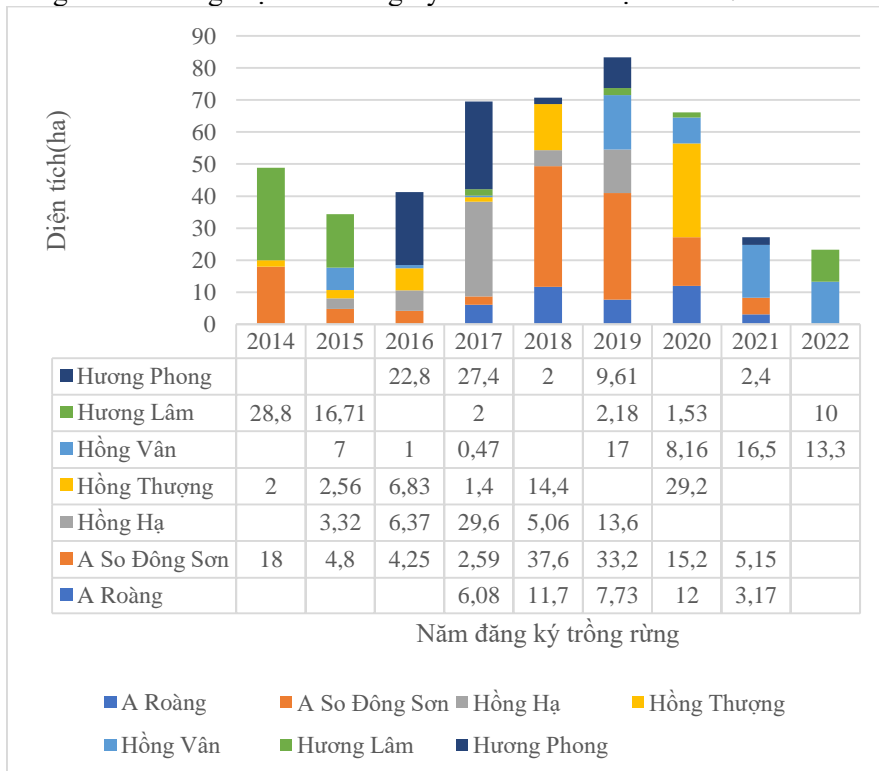
làm cho diện tích đăng ký mới giảm trong giai đoạn 2020 - 2022.



Hình 3. Biểu đồ biến động diện tích rừng tham gia FSC tại huyện A Lưới

Có sự biến động lớn trong diện tích đăng ký của các chi hội, một số chi hội có xu hướng tăng diện tích đăng ký như A Roàng và Hương Phong, trong khi các chi hội khác có xu hướng giảm diện tích đăng ký như Hồng Vân và Hồng Thượng. Chi hội A So Đông Sơn có tổng diện tích đăng ký

tham gia chứng chỉ rừng hàng năm lớn nhất, đạt 120,72 ha. Chi hội Hồng Vân và Hương Phong có diện tích đăng ký mới thấp nhất trong giai đoạn 2020 - 2022. Chi hội Hồng Thượng có sự tăng trưởng đáng kể trong diện tích đăng ký từ năm 2014 đến 2019. Chi tiết tại Hình 4.



Hình 4. Diện tích rừng trồng tham gia chứng chỉ FSC theo chi hội tại huyện A Lưới

3.2.4. Phân tích chi phí sản xuất và doanh thu cho rừng có chứng chỉ FSC

Kết quả điều tra cho thấy, rừng trồng các nhóm hộ phần lớn được tiêu thụ theo hình thức bán cây đứng cho thương nhân thu mua và khai thác. Giá bán rừng có chứng chỉ cao hơn so với rừng không có chứng chỉ từ 10 - 15%. Lợi nhuận bình quân/ha/năm càng tăng lên khi tuổi rừng khai thác được nâng lên. Cụ thể, đối với

rừng trồng có chứng chỉ từ 5 năm tuổi có lợi nhuận bình quân/ha/năm là hơn 5 triệu đồng, nếu để diện tích rừng này đến trên 10 năm tuổi mới tiến hành khai thác thì số lợi nhuận bình quân/ha/năm thu được là hơn 28 triệu đồng (Bảng 3). Đây là giá trị tương đối cao so với giá trị lợi nhuận bình quân/ha/năm trên địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế là 18,15 triệu đồng (Trần Đoàn Thanh Thanh, Nguyễn Thiện Tâm, 2020).

Bảng 3. Hiệu quả kinh tế rừng trồng có chứng chỉ FSC tại huyện A Lưới

Chi tiêu	Đơn vị tính: đồng/ha	
	Thành tiền (rừng từ 5 năm tuổi)	Thành tiền (rừng trên 10 năm tuổi)
Chi phí trồng rừng	27.629.000	27.629.000
Chi phí chăm sóc và nuôi dưỡng rừng trồng	10.773.000	53.009.000
Chi phí khai thác rừng	42.391.000	119.759.000
Phí bảo hiểm rừng trồng	1.350.000	6.570.000
Chi phí hỗ trợ kỹ thuật FSC (1 năm/ha/100.000đ)	500.000	1.000.000
Doanh thu	109.885.848	491.955.632
Tổng chi phí đầu tư	82.643.000	207.967.000
Cân đối thu chi	27.242.848	283.988.632
Lợi nhuận bình quân/ha/năm	5.448.570	28.398.863

3.3. Các nhân tố ảnh hưởng đến việc áp dụng chứng chỉ FSC và quản lý rừng bền vững

Việc quản lý rừng bền vững và xây dựng chứng chỉ rừng theo tiêu chuẩn quốc tế FSC không những làm tăng giá trị sản

phẩm từ rừng, bảo vệ môi trường mà còn dễ dàng tham gia vào thị trường toàn cầu. Chính vì vậy, quản lý rừng bền vững tiêu chuẩn FSC trở thành xu hướng tất yếu và là mục tiêu của ngành lâm nghiệp tỉnh hiện nay.

Bảng 4. Kết quả phỏng vấn hộ gia đình về các nhân tố tác động đến việc tham gia áp dụng chứng chỉ rừng tại huyện A Lưới

Nhóm các nhân tố	Đồng ý		Không đồng ý	
	Số lượng	Tỷ lệ(%)	Số lượng	Tỷ lệ(%)
<i>Thị trường</i>				
Giá rừng và gỗ nguyên liệu (GNL) có chứng chỉ FSC trên thị trường cao hơn rừng và GNL cùng quy cách nhưng không có chứng chỉ FSC	70	100	-	-
Thị trường có nhu cầu lớn về GNL có chứng chỉ FSC	68	97,1	2	2,86
Sản lượng GNL có chứng chỉ rừng trên thị trường không đủ cung cấp cho nhu cầu chế biến gỗ	68	97,1	2	2,86
Rừng và GNL có chứng chỉ FSC dễ tiêu thụ	60	85,7	10	14,3
<i>Hiệu quả kinh tế</i>				
Vốn đầu tư trồng rừng được sử dụng có hiệu quả	60	85,7	10	14,3
Giảm chi phí đầu tư làm đường vận xuất, vận chuyển GNL	60	85,7	10	14,3
<i>Hỗ trợ từ các tổ chức</i>				
Dự án hỗ trợ kinh phí tham gia chứng chỉ FSC	70	100	-	-

Dự án hỗ trợ tốt về kỹ thuật trồng rừng chứng chỉ FSC	70	100	-	-
Dự án hỗ trợ tốt thực hiện các hồ sơ và thủ tục tham gia chứng chỉ FSC	70	100	-	-
Dự án giám sát và thúc đẩy hoạt động liên kết nhóm hộ trồng rừng chứng chỉ theo chi hội	70	100	-	-
<i>Cơ chế liên kết</i>				
Nhóm hoạt động có cơ cấu tổ chức chặt chẽ	70	100	-	-
HGD tham gia liên kết có quyền xây dựng quy chế hoạt động nhóm	70	100	-	-
Quyền và nghĩa vụ của HGD tham gia liên kết là bình đẳng	70	100	-	-
Lợi ích của HGD tham gia liên kết là công bằng	70	100	-	-
<i>Chính sách của Nhà nước</i>				
Chính sách hỗ trợ kinh phí trồng rừng sản xuất và cấp chứng chỉ QLRBV phù hợp với điều kiện thực tế của HGD (QĐ 147/2007/QĐ-TTg; QĐ 66/2011/QĐ-TTg; QĐ 38/2016/QĐ-TTg)	65	92,9	5	7,14
Chính sách về phát triển rừng được triển khai nhanh chóng đến các HGD	68	97,1	2	2,86
Chính sách của Nhà nước tạo động lực cho HGD tham gia trồng rừng có chứng chỉ FSC	58	82,9	12	17,1
<i>Tác động của chính quyền địa phương</i>				
Chính quyền địa phương năng động trong thúc đẩy phát triển rừng trồng	50	71,4	20	28,6
Chính quyền địa phương quan tâm đến hoạt động liên kết nhóm hộ trồng rừng FSC	50	71,4	20	28,6
Chính quyền địa phương triển khai chính sách phát triển rừng trồng có sự đồng thuận của HGD	50	71,4	20	28,6
<i>Tiếp tục tham gia liên kết theo nhóm hộ/hội chủ rừng</i>				
Chủ hộ tiếp tục tham gia liên kết theo nhóm hộ trồng rừng có chứng chỉ FSC	68	97,1	2	2,86
Chủ hộ sẵn sàng góp thêm đất và đầu tư trồng rừng có chứng chỉ	68	97,1	2	2,86
Chủ hộ hài lòng khi tham gia hội chủ rừng và phát triển bền vững tỉnh Thừa Thiên Huế	70	100	-	-

Bảng 4 cho thấy, tất cả các cả hộ gia đình cho rằng họ đang có cơ chế liên kết tốt và được hỗ trợ từ các tổ chức bên ngoài. Với các nhân tố khác, tỷ lệ đồng ý có sự thay đổi, đa số ý kiến người dân chưa cho rằng tác động của địa phương đến việc trồng rừng tại huyện A Lưới. Tuy nhiên, có 97,1%

số hộ gia đình tham gia phỏng vấn cho rằng sẽ tiếp tục tham gia liên kết nhóm hộ để trồng rừng có chứng chỉ FSC và họ sẵn sàng góp thêm đất và đầu tư nếu có điều kiện.

3.4. Các giải pháp nâng cao áp dụng chứng chỉ FSC và quản lý rừng bền vững

3.4.1. Phân tích SWOT

Bảng 5. Kết quả phân tích SWOT về việc áp dụng chứng chỉ rừng tại huyện A Lưới

Điểm mạnh (S)	Điểm yếu (W)
<ul style="list-style-type: none"> + Đa số các hộ nhận rừng là đồng bào các dân tộc thiểu số nên đời sống gắn bó với rừng, thông thạo địa hình khe suối hay những nơi bị tập trung khai thác. + Có truyền thống canh tác tại địa phương lâu đời nên am hiểu về rừng ở cộng đồng. Nhất là đất rừng mình được giao. + Diện tích rừng sản xuất lớn. + Đã thành lập được Hội chủ rừng phát triển bền vững tỉnh Thừa Thiên Huế 	<ul style="list-style-type: none"> + Trình độ dân trí chưa cao, nhận thức về tầm quan trọng của rừng và môi trường chưa rõ rệt. + Tổ chức hoạt động nhóm/hội chủ rừng chưa khoa học nên chưa mang lại hiệu quả cao. + Đời sống của người dân phụ thuộc vào rừng nên cần gì cũng vào rừng, khai thác bừa bãi. + Sự phối kết hợp giữa cộng đồng nhóm hộ với các cơ quan chức năng chưa nhịp nhàng hiệu quả. + Chưa chủ động tham gia bảo vệ rừng và còn ỷ lại vào kiểm lâm cũng như những dự án hỗ trợ khác.
Cơ hội (O)	Thách thức (T)
<ul style="list-style-type: none"> + Chứng chỉ FSC và quản lý rừng bền vững ngày càng được quan tâm và hỗ trợ nhiều hơn. + Diện tích tham gia còn ít hơn so với các địa phương khác trong tỉnh nên còn nhiều tiềm năng để phát triển. 	<ul style="list-style-type: none"> + Nhà nước và các dự án chậm triển khai những hỗ trợ nên bà con chưa thấy lợi ích, không tích cực tham gia. + Thời gian hưởng lợi kinh tế từ rừng mang lại khá dài (7 - 10 năm) dẫn đến nhiều nhóm hộ xin khai thác sớm để phục vụ nhu gia đình. + Chưa có nhiều chuỗi liên kết đầu ra cho sản phẩm có chứng chỉ FSC.

3.4.2. Các giải pháp nâng cao việc áp dụng chứng chỉ FSC và quản lý rừng bền vững

Xuất phát từ điểm mạnh, điểm yếu, cơ hội, thách thức, nghiên cứu đưa ra một số giải pháp chính để nâng cao hiệu quả áp dụng chứng chỉ FSC và quản lý rừng bền vững tại huyện A Lưới như sau:

- Hoàn thiện hệ thống chính sách:

Tạo cơ chế chính sách cụ thể và tạo điều kiện cho các nhóm hộ có thể tiếp cận được chính sách hỗ trợ kinh phí trồng rừng và cấp chứng chỉ FSC.

- Nâng cao vai trò của chính quyền địa phương:

Có diện tích rừng sản xuất nhiều nhất tỉnh Thừa Thiên Huế, tuy nhiên diện tích tham gia áp dụng chứng chỉ FSC tại A Lưới còn rất thấp. Chính quyền địa phương cần thúc đẩy hơn nữa việc nâng cao năng lực và vai trò quan trọng trong việc triển khai các chính sách của Nhà nước.

- Hoàn thiện và phát triển cơ chế liên kết nhóm hộ trồng rừng:

Thúc đẩy các nhóm hộ phát triển liên kết nội bộ phù hợp với yêu cầu và sự thay đổi của phương thức sản xuất theo phương án quản lý rừng bền vững.

- Phát triển thị trường theo chuỗi giá trị sản phẩm có chứng chỉ FSC:

Thiết lập được chuỗi liên kết tiêu thụ gỗ rừng trồng có chứng chỉ FSC với các công ty, đặc biệt cần tìm kiếm các công ty có khả năng bao tiêu toàn bộ sản phẩm đầu ra.

- Nâng cao hiệu quả kinh tế rừng trồng có chứng chỉ:

Tiếp tục tập huấn, tuyên truyền mở rộng kiến thức cho các nhóm hộ về phát triển rừng trồng có chứng chỉ FSC. Khuyến khích kéo dài chu kỳ trồng rừng đến khai thác tối thiểu 7 - 10 năm để đạt hiệu quả cao về sản lượng và kinh tế. Hình thành các nhóm trồng rừng với diện tích lớn, tập trung để nâng cao hiệu quả sử dụng vốn và giảm chi phí đầu tư sản xuất.

- Nâng cao năng lực tự chủ trong trồng rừng có chứng chỉ:

Khuyến khích các nhóm hộ xây dựng kế hoạch sử dụng hiệu quả các nguồn hỗ trợ từ các tổ chức bên ngoài và xây dựng phương án thu hút đầu tư. Ngoài ra để đảm bảo hoạt động cần xây dựng kế hoạch tự chủ kinh phí để duy trì hoạt động tối ưu trong các giai đoạn sau.

4. KẾT LUẬN

Huyện A Lưới có diện tích rừng sản xuất lớn tuy nhiên diện tích rừng trồng tham gia chứng chỉ FSC có tỷ lệ chưa cao. Trong giai đoạn 2014 - 2022 có tổng diện tích tham gia áp dụng chứng chỉ rừng tại huyện A Lưới là 464,6 ha với quy mô 179 lô rừng của 124 hộ viên tham gia. Ngoài ra, giá trị kinh tế từ trồng rừng có chứng chỉ sẽ cao hơn khi kéo dài thời gian khai thác từ 7 đến trên 10 năm. Có 97,1% số hộ sẽ tiếp tục tham gia liên kết nhóm hộ để trồng rừng có chứng chỉ FSC và sẵn sàng góp thêm đất và đầu tư. Để thúc đẩy hơn việc tham gia áp dụng chứng chỉ rừng và quản lý rừng bền vững của hộ gia đình cần thực hiện các giải pháp như: Hoàn thiện hệ thống chính sách, nâng cao vai trò của chính quyền địa phương, hoàn thiện và phát triển cơ chế liên kết nhóm hộ trồng rừng, phát triển thị trường theo chuỗi giá trị sản phẩm có chứng chỉ FSC, nâng cao hiệu quả kinh tế rừng trồng có chứng chỉ và nâng cao năng lực tự chủ trong trồng rừng có chứng chỉ.

LỜI CẢM ƠN

Nghiên cứu này được hỗ trợ bởi các khoản tài trợ (#169430, #194004) từ Chương trình Nghiên cứu của Thụy Sĩ về các vấn đề toàn cầu cho phát triển (Chương trình R4D), đồng tài trợ bởi Quỹ Khoa học Quốc gia Thụy Sĩ (SNF) và Cơ quan Hợp tác và Phát triển Thụy sĩ (SDC).

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- Phạm Hoài Đức, Lê Công Uẩn, Nguyễn Ngọc Lung và Phạm Minh Thoa. (2006). *Cẩm nang ngành lâm nghiệp – Chương Chứng chỉ rừng*.
- Trần Văn Côn, Nguyễn Huy Sơn, Phan Minh Sáng, Nguyễn Hồng Quân, Chu Đình Quang và Lê Minh Tuyên. (2006). *Cẩm nang ngành lâm nghiệp – Chương Quản lý rừng bền vững*.
- Hà Sỹ Đồng. (2016). *Đánh giá quản lý rừng bền vững và giám sát thực hiện sau khi được cấp chứng chỉ rừng tại công ty lâm nghiệp Bến Hải, tỉnh Quảng Trị*. Luận án Tiến sĩ lâm nghiệp, Trường Đại học Lâm nghiệp Việt Nam.
- Hạt kiểm lâm huyện A Lưới. (2021). *Báo cáo tổng kết công tác quản lý bảo vệ rừng huyện A Lưới năm 2021*.
- Hội chủ rừng phát triển bền vững tỉnh Thừa Thiên Huế. (2021). *Phương án quản lý rừng bền vững giai đoạn 2021 – 2026*.
- Viện Khoa học Lâm nghiệp Việt Nam. (2022). *Hệ thống chứng chỉ rừng Quốc Gia: Mô tả hệ thống và mô hình tổ chức thực hiện*.
- Trần Đoàn Thanh Thanh và Nguyễn Thiện Tâm. (2020). *Phát triển mô hình rừng trồng có chứng chỉ tại tỉnh Thừa Thiên Huế*. *Tạp chí Khoa học Đại học Huế*, 129, 79-94.